

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS BÌNH DƯƠNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
I	Số phòng học	8	1,6 m²/hs
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	8	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	4	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học	0,7	
8	Bình quân học sinh/lớp	37	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9646	26,6
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5000	13,8
VI	Tổng diện tích các phòng	700	
1	Diện tích phòng học (m ²)	360	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	135	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	5	
3	Diện tích thư viện (m ²)	36	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng khác – Khu văn phòng (m ²)	47	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	12	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	3	1
2	Khối lớp 7	3	1
3	Khối lớp 8	3	1
4	Khối lớp 9	3	1
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	36	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	12 MC	1			
5	Thiết bị khác (Máy ảnh, máy quay, máy quét, máy photo, bảng tính thông minh, bảng Led,...)	1 bảng TM				
6	Máy in	5				
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x	Tổng 48m² 0,12m²	0,12/0,12
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
	Nội dung			Có	Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh			x		
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)			x		
XVII	Kết nối internet (ADSL)			x		
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường			x		
XIX	Tường rào xây			x		

Đông Triều, ngày 25 tháng 10 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Anh